

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 02/2008/TT-
BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện

Căn cứ Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện (sau đây được viết là Nghị định số 190/2007/NĐ-CP), Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định như sau:

Phần I

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định tại Điều 2 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi đến đủ 60 tuổi đối với nam và từ đủ 15 tuổi đến đủ 55 tuổi đối với nữ, không thuộc diện áp dụng của pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm:

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 3 tháng;
- Cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố;
- Người tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Xã viên không hưởng tiền lương, tiền công làm việc trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Người lao động tự tạo việc làm bao gồm những người tự tổ chức hoạt động lao động để có thu nhập cho bản thân;
- Người lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài mà trước đó chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã nhận bảo hiểm xã hội một lần;
- Người tham gia khác.

Các đối tượng quy định trên sau đây gọi chung là người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Phần II

CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

Mục 1

CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

- Điều kiện hưởng lương hưu

a) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a1) Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên;

Ví dụ 1: Ông A sinh ngày 16/01/1971, tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện từ tháng 02/2008 và có 20 năm đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện. Từ tháng 02/2031 ông A đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng.

Ví dụ 2: Bà B sinh ngày 25/4/1983, tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện từ tháng 3/2008 và có 20 năm đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện. Từ tháng 5/2038 bà B đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng.

a2) Nam từ đủ 55 tuổi trở lên, nữ từ đủ 50 tuổi trở lên đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện mà trước đó đã có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên.

Ví dụ 3: Ông C sinh ngày 20/6/1960, tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện từ tháng 8/2008, trước đó ông C đã có 21 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong đó có 16 năm làm nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ tháng 7/2015 ông C đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng.

a3) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện mà trước đó đã có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ 20 năm trở lên, bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, được hưởng lương hưu với mức thấp hơn khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Nam từ đủ 50 tuổi trở lên, nữ từ đủ 45 tuổi trở lên;

- Có đủ 15 năm trở lên làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Ví dụ 4: Ông D sinh ngày 22/6/1960, tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện từ tháng 5/2008, trước đó ông D đã có 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Ông được Hội đồng giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động 61%. Từ tháng 7/2010 ông D đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng với mức thấp hơn.

b) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi đã có từ đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên hoặc nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi đã có từ đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên mà chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, thì được đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm để hưởng lương hưu hằng tháng.

Ví dụ 5: Bà Đ đủ 55 tuổi, có 17 năm 7 tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện. Bà Đ được đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện cho 2 năm 5 tháng còn thiếu để đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng.

Ví dụ 6: Ông E đủ 60 tuổi, có 15 năm 6 tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần. Ông E được đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện cho 4 năm 6 tháng còn thiếu để đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng.

2. Mức lương hưu hằng tháng

Mức lương hưu hằng tháng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

a) Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng được tính bằng 45% tương ứng với 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì tính thêm 2% đối với nam, 3% đối với nữ; mức tối đa bằng 75%.

Khi tính mức lương hưu hằng tháng, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu quy định tại khoản 3 mục 1 phần II và mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần quy định tại điểm a khoản 4 mục 1 phần II Thông tư này, nếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là nửa năm; từ trên 6 tháng đến 12 tháng tính là một năm.

Ví dụ 7: Ông G hưởng lương hưu khi đủ 60 tuổi, có 20 năm 7 tháng đóng bảo hiểm xã hội, tỷ lệ hưởng lương hưu được tính như sau:

- Thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông G là 20 năm 7 tháng, số tháng lẻ 7 tháng được tính là 1 năm, nên số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng lương hưu của ông G là 21 năm.

- 15 năm đầu tính bằng 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 21 là 6 năm, tính thêm: $6 \times 2\% = 12\%$;

- Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của ông G là: $45\% + 12\% = 57\%$.

Ví dụ 8: Ông H hưởng lương hưu khi đủ 60 tuổi, có 35 năm 2 tháng đóng bảo hiểm xã hội, tỷ lệ hưởng lương hưu được tính như sau:

- Thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông H là 35 năm 2 tháng, số tháng lẻ 2 tháng không tính, nên số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng lương hưu của ông H là 35 năm.

- 15 năm đầu tính bằng 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 35 là 20 năm, tính thêm: $20 \times 2\% = 40\%$;

- Tổng 2 tỷ lệ trên là: $45\% + 40\% = 85\%$;

Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của ông H được tính mức tối đa bằng 75%.

Ví dụ 9: Bà K hưởng lương hưu khi đủ 55 tuổi, có 20 năm 10 tháng đóng bảo hiểm xã hội, tỷ lệ hưởng lương hưu được tính như sau:

- Thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà K là 20 năm 10 tháng, số tháng lẻ 10 tháng được tính là 1 năm, nên số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng lương hưu của bà K là 21 năm.

- 15 năm đầu tính bằng 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 21 là 6 năm, tính thêm: $6 \times 3\% = 18\%$;

- Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của bà K là: $45\% + 18\% = 63\%$.

Ví dụ 10: Bà E hưởng lương hưu khi đủ 55 tuổi, có 27 năm 5 tháng đóng bảo hiểm xã hội, tỷ lệ hưởng lương hưu được tính như sau:

- Thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà E là 27 năm 5 tháng, số tháng lẻ 5 tháng được tính là 0,5 năm, nên số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng lương hưu của bà E là 27,5 năm.

- 15 năm đầu tính bằng 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 27,5 là 12,5 năm, tính thêm: $12,5 \times 3\% = 37,5\%$;

- Tổng 2 tỷ lệ trên là: $45\% + 37,5\% = 82,5\%$;

Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của bà E được tính mức tối đa bằng 75%.

b) Mức lương hưu hằng tháng được tính bằng tích số của tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng với mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 11: Ông G ở Ví dụ 7, có tỷ lệ hưởng lương hưu là 57%, mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội là 920.000 đồng/tháng. Mức lương hưu hằng tháng của ông G là:

$$57\% \times 920.000 \text{ đồng/tháng} = 524.400 \text{ đồng/tháng}$$

Ví dụ 12: Bà E ở Ví dụ 10, có tỷ lệ hưởng lương hưu là 75%, mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện là 1.050.000 đồng/tháng. Mức lương hưu hằng tháng của bà E là:

$$75\% \times 1.050.000 \text{ đồng/tháng} = 787.500 \text{ đồng/tháng}$$

3. Mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu

Mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội, kể từ năm thứ 31 trở đi đối với nam và năm thứ 26 trở đi đối với nữ, cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 0,5 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, được tính như sau:

$$\text{Mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu} = [N - \begin{matrix} 30 \text{ đối với nam hoặc} \\ 25 \text{ đối với nữ} \end{matrix}] \times 0,5 \times M_{bqtn}$$

Trong đó:

- N : số năm đóng bảo hiểm xã hội, một năm tính đủ 12 tháng.

- M_{bqtn} : mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 5 mục 1 phần II Thông tư này.

Ví dụ 13: Ông H ở Ví dụ 8, có mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội là 1.100.000 đồng/tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông H được tính là 35 năm, mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu của ông H là:

$$(35 - 30) \times 0,5 \text{ tháng} \times 1.100.000 \text{ đồng/tháng} = 2.750.000 \text{ đồng}$$

Ví dụ 14: Bà E ở Ví dụ 10, có mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội là 1.050.000 đồng/tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà E được tính là 27,5 năm, mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu của bà E là:

$$(27,5 - 25) \times 0,5 \text{ tháng} \times 1.050.000 \text{ đồng/tháng} = 1.312.500 \text{ đồng}$$

4. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần

a) Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 14 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP được tính như sau:

$$\text{Mức hưởng BHXH một lần} = N \times 1,5 \times M_{bqtn}$$

Trong đó:

- N : số năm đóng bảo hiểm xã hội, một năm tính đủ 12 tháng.

- M_{bqtn} : mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 5 mục 1 phần II Thông tư này.

Ví dụ 15: Bà H có yêu cầu nhận bảo hiểm xã hội một lần, thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 18 năm, mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội là 950.000 đồng/tháng. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của bà H được tính như sau:

$$18 \times 1,5 \text{ tháng} \times 950.000 \text{ đồng/tháng} = 25.650.000 \text{ đồng}$$

Ví dụ 16: Ông L có yêu cầu nhận bảo hiểm xã hội một lần, thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 16 năm 8 tháng được tính là 17 năm, mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội là 1.100.000 đồng/tháng. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của ông L được tính như sau:

$$17 \times 1,5 \text{ tháng} \times 1.100.000 \text{ đồng/tháng} = 28.050.000 \text{ đồng}$$

b) Trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ một năm thì mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP bằng số tiền đã đóng; mức tối đa bằng 1,5 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 17: Ông M có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đến tháng 11/2008 là 8 tháng, mức thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội là 540.000 đồng/tháng, tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2008 theo quy định là 16%. Tháng 12/2008, ông M có yêu cầu nhận bảo hiểm xã hội một lần. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của ông M là:

$$8 \text{ tháng} \times 16\% \times 540.000 \text{ đồng/tháng} = 691.200 \text{ đồng}$$

Ví dụ 18: Bà N có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đến tháng 12/2008 là 10 tháng, mức thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội là 540.000 đồng/tháng. Tháng 1/2009, bà N có yêu cầu nhận bảo hiểm xã hội một lần.

- Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của bà N được tính là:

$$10 \text{ tháng} \times 16\% \times 540.000 \text{ đồng/tháng} = 864.000 \text{ đồng}$$

- Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần tối đa là:

$$1,5 \text{ tháng} \times 540.000 \text{ đồng/tháng} = 810.000 \text{ đồng}$$

Trong trường hợp này, mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của bà N bằng mức tối đa 810.000 đồng.

5. Mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội

Mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP được tính như sau:

$$\text{Mức bình quân thu nhập tháng đóng BHXH (M}_{bqtn}) = \frac{\text{Tổng các mức thu nhập tháng đóng BHXH}}{\text{Tổng số tháng đóng BHXH}}$$